

SO SÁNH MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
1	Các quan điểm phát triển				
	- Kinh tế	Xác định 07 quan điểm xuyên suốt, bám sát chiến lược quốc gia và Quy hoạch Vùng Đông Nam Bộ Phát huy lợi thế công nghiệp, logistics, Cảng HKQT Long Thành làm động lực tăng trưởng Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, tuần hoàn và số	Phát triển dựa trên lõi công nghiệp chế biến – nông nghiệp công nghệ cao – kinh tế cửa khẩu Phát triển phù hợp với định hướng khu vực Đông Nam Bộ thông qua thu hút đầu tư và chuyển dịch cơ cấu Tăng trưởng gắn với ổn định khu vực biên giới	Định hướng tinh sản xuất chế tạo tiên tiến – xanh, nông nghiệp công nghệ cao và cửa ngõ logistics đẳng cấp quốc tế Động lực tăng trưởng dựa trên công nghệ, năng suất và chuỗi giá trị, thay vì mở rộng theo chiều rộng Tích hợp thể mạnh công nghiệp của Đồng Nai cũ với nông nghiệp và kinh tế cửa khẩu của Bình Phước cũ	Mũi nhọn công nghiệp của Đồng Nai cũ đã rõ nhưng chưa được định vị đầy đủ theo hướng xanh – hiện đại Phát huy lợi thế bổ trợ của hai vùng để tạo sức mạnh kinh tế tổng hợp Nâng vai trò kinh tế của tỉnh sau sáp nhập trong cấu trúc phát triển vùng
	- Xã hội – Con người	Lấy con người làm trung tâm, là chủ thể và mục tiêu phát triển Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, trí thức Nâng cao chất lượng sống đô thị	Trọng tâm an sinh xã hội, thu hẹp chênh lệch vùng, dân tộc và biên giới Phát triển nguồn nhân lực cơ bản phục vụ công nghiệp hóa Bảo đảm ổn định xã hội trong quá trình phát triển	Phát triển bao trùm, hài hòa, kết hợp nâng cao chất lượng sống với bảo đảm an sinh xã hội Xây dựng môi trường sống và làm việc hấp dẫn để thu hút nhân tài, chuyên gia phục vụ công nghiệp công nghệ cao Kết nối hệ thống giáo dục – y tế – nhà ở – dịch vụ xã hội trên toàn tỉnh	Chênh lệch lớn về điều kiện xã hội giữa 2 tỉnh cũ Nâng cao vai trò việc xây dựng tỉnh thành môi trường đáng sống để thu hút và giữ chân nhân tài Gia tăng quy mô dân số và đô thị hóa sau sáp nhập
	- Hạ tầng - Không gian	Phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, mở rộng không gian phát triển Đô thị hóa gắn với TOD, hành lang giao thông và đô thị sân bay	Ưu tiên hạ tầng kết nối vùng, khắc phục bất lợi vị trí địa lý Phát triển không gian theo trục giao thông và các KCN	Tổ chức không gian đa cực, liên thông Bắc – Nam và Đông – Tây của tỉnh	Đẩy mạnh tính cộng hưởng của 2 vùng bắc nam đồng nai mới Nâng cao vai trò liên kết vùng của tỉnh Đồng Nai mới Yêu cầu liên

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		Hình thành các trục phát triển công nghiệp – dịch vụ	Đóng vai trò vệ tinh trong cấu trúc vùng	Hình thành hành lang kinh tế, đô thị động lực, đô thị logistics, đô thị sân bay và FTZ Tăng cường kết nối nội vùng, ngoại vùng và quốc tế/liên vùng (ĐNB – Tây Nguyên – Campuchia)	kết nối bộ mạnh hơn để tránh phát triển cục bộ Khai thác vai trò trung tâm giao thông – logistics của tỉnh mới
	- Môi trường	Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế Sử dụng hiệu quả tài nguyên; hướng tới Net Zero 2050 Phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn	Bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và hệ sinh thái tự nhiên Phát triển nông – lâm nghiệp bền vững Gắn bảo vệ môi trường với ổn định sinh kế	Tích hợp không gian sinh thái toàn tỉnh, bao gồm không gian mặt nước/ hành lang sông, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, vành đai xanh Tích hợp không gian sinh thái toàn tỉnh, bao gồm không gian mặt nước/ hành lang sông, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, vành đai xanh Phát triển công nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải Chủ động thích ứng BĐKH, hướng tới tăng trưởng xanh quy mô lớn	Quy mô và tính đa dạng tài nguyên tăng mạnh sau sáp nhập Áp lực môi trường gia tăng từ công nghiệp hóa và đô thị hóa Yêu cầu thực hiện cam kết quốc gia và chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững
2	Mục tiêu tổng quát				
	- Mục tiêu tổng quát năm 2030	Trở thành tỉnh phát triển, văn minh, hiện đại, vượt ngưỡng thu nhập cao Trung tâm công nghiệp công nghệ cao, logistics và kinh tế hàng không Hạ tầng và đô thị phát triển đồng bộ, thông minh, bền vững	Trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững Quy mô kinh tế khá trong Vùng Đông Nam Bộ Nâng cao chất lượng sống, thu hẹp chênh lệch vùng	Trở thành tỉnh dẫn đầu về tăng trưởng, thu nhập và năng lực cạnh tranh, hình mẫu cho Tăng trưởng thể hệ mới Động lực tăng trưởng dựa trên sản xuất chế tạo xanh – tiên tiến, nông nghiệp công nghệ cao và cửa ngõ logistics quốc tế	Quy mô và vai trò tỉnh thay đổi căn bản sau sáp nhập Mục tiêu phản ánh rõ mô hình tăng trưởng mới dựa trên công nghệ và năng suất Tận dụng lợi thế tổng hợp công nghiệp – nông nghiệp – logistics breakthrough

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
				Hạ tầng kinh tế – xã hội đồng bộ; hệ thống đô thị thông minh, đa trung tâm	
	- Tầm nhìn 2050	Trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, đi đầu trong phát triển công nghiệp công nghệ cao, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thông minh, hiện đại Hình thành 06 mũi nhọn ưu tiên: - Trung tâm công nghiệp công nghệ cao của tỉnh - Hệ sinh thái vườn ươm khởi nghiệp tân tiến - Dịch vụ hỗ trợ công nghiệp đa dạng - Hệ thống quản trị thông minh xuyên suốt tỉnh - Trung tâm logistics đẳng cấp - Nông nghiệp công nghệ cao	Trở thành cực tăng trưởng quan trọng của Vùng Đông Nam Bộ Tinh công nghiệp hiện đại, quy mô khá Phát triển cân bằng giữa đô thị và nông thôn	Trở thành thành phố trực thuộc Trung ương có nền kinh tế phát triển ở trình độ cao; cực tăng trưởng chiến lược của cả nước, dẫn dắt trong các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, logistics – giao thương quốc tế, đổi mới sáng tạo và phát triển đô thị hiện đại Hình thành 06 mũi nhọn dẫn dắt: - Công nghiệp công nghệ cao – sản xuất tiên tiến - Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo – khởi nghiệp - Dịch vụ khoa học – công nghệ hỗ trợ công nghiệp - Quản trị thông minh – hạ tầng số - Trung tâm logistics đa phương thức tầm khu vực - Nông nghiệp công nghệ cao gắn chế biến sâu	Định vị rõ các mũi nhọn dài hạn cho tỉnh mới quy mô lớn Khai thác lợi thế bổ trợ giữa 2 tỉnh cũ để tạo khác biệt cạnh tranh Phù hợp xu thế phát triển công nghệ cao và kinh tế xanh toàn cầu
	- Khung định hướng	05 trụ cột phát triển kinh tế – xã hội 06 yếu tố hỗ trợ (hạ tầng, vốn, nhân lực, thể chế, chuyển đổi số...) Trọng tâm công nghiệp, logistics, đô thị sân bay	Phát triển theo các ngành mũi nhọn và động lực không gian Ưu tiên hạ tầng, nguồn nhân lực, cải cách hành chính Định hướng hỗ trợ công nghiệp hóa giai đoạn đầu	03 trụ cột kinh tế: - (i) Động lực tăng trưởng cốt lõi (chế tạo chiến lược, chế biến nông sản) - (ii) Lĩnh vực tăng trưởng mới (logistics, CNC, dịch vụ đổi mới sáng tạo)	Đơn giản hóa và tái cấu trúc khung phát triển cho tỉnh quy mô lớn Chuyển trọng tâm từ mở rộng sang chất lượng, chiều sâu và liên kết chuỗi giá trị Tăng hiệu quả điều phối phát triển liên vùng sau sáp nhập

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
				(iii) Ngành đời sống & phát triển bền vững (đô thị, du lịch, năng lượng xanh) 06 yếu tố hỗ trợ then chốt: không gian quy hoạch rõ ràng; chính sách đặc thù; nhân lực chất lượng cao; hạ tầng đồng bộ – số; liên kết vùng; nguồn vốn chất lượng	
3	Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể				
	- Chỉ tiêu xã hội – con người	- Dân số 2030: ~4–4,2 triệu - Đô thị hóa ~70% - HDI >0,85	- Dân số 2030: ~1,2 triệu - Đô thị hóa ~50% - HDI ~0,8	- Dân số 2030: ~5,9 triệu (cao hơn tổng 2 tỉnh trước sáp nhập ~500-700 nghìn người) - Đô thị hóa 55–57% - HDI >0,8	Dân số tăng mạnh sau sáp nhập, đặc biệt tại Long Thành – Nhơn Trạch theo Thông báo 420-TB/VPTW của Tổng Bí thư, gắn với hình thành đô thị sân bay và cực tăng trưởng phía Nam. Theo mục tiêu đưa dân số Long Thành – Nhơn Trạch lên khoảng 2,5 triệu người vào năm 2045, kết hợp gia tăng dân số tự nhiên và dịch chuyển cơ học giữa các khu vực, quy mô dân số toàn tỉnh được điều chỉnh lên khoảng 5,9 triệu người, làm thay đổi cơ bản quy mô và cấu trúc đô thị.
	- Chỉ tiêu kinh tế	- Tăng trưởng GRDP 2021-2030 ~10%/năm - GRDP/người năm 2030 ~14.650 USD - Cơ cấu GRDP: - Công nghiệp – Xây dựng: ~59% - Thương mại – Dịch vụ: ~29% - Nông, Lâm, Thủy sản: ~6%	- Tăng trưởng GRDP 2021-2030 ~9%/năm - GRDP/người năm 2030 ~7.564 USD - Cơ cấu GRDP: - Công nghiệp – Xây dựng: ~55% - Thương mại – Dịch vụ ~34%	- Tăng trưởng GRDP 2025-2030 ~11-12%/năm - GRDP/người ~9.600 USD - Cơ cấu GRDP: - Công nghiệp – Xây dựng: ~61% - Thương mại – Dịch vụ (logistics, dịch vụ hàng	Tăng tỷ trọng Công nghiệp – Xây dựng để phản ánh vai trò trung tâm công nghiệp công nghệ cao – xanh, gắn với tiềm năng logistics (sân bay Long Thành) Điều chỉnh giảm dịch vụ thuần túy, tập trung chọn lọc vào dịch vụ logistics – hàng không – công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: ~7%	Nông, Lâm, Thủy sản ~11%	không, dịch vụ cao cấp): ~28% Nông, Lâm, Thủy sản (nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu): ~11%	Tăng tỷ trọng Nông, Lâm, Thủy sản nhằm khai thác lợi thế vùng nguyên liệu lớn phía Bắc (Bình Phước cũ), phục vụ chế biến nông nghiệp công nghệ cao và đi sâu chuỗi giá trị
	- Chỉ tiêu môi trường	- Tỷ lệ che phủ rừng ~27,4% 100% KCN có xử lý nước thải đạt chuẩn - Định hướng Net Zero 2050	- Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm ~65% - Trọng tâm bảo tồn rừng, đa dạng sinh học - Thu gom, xử lý CTR còn hạn chế	- Tỷ lệ che phủ rừng ~24,2% (tích hợp toàn tỉnh) - Phát triển công nghiệp sinh thái, đô thị sinh thái, kinh tế tuần hoàn - Tăng tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải; giảm phát thải carbon	Không gian sinh thái và tài nguyên mở rộng sau sáp nhập Thực hiện cam kết quốc gia và chuẩn mực quốc tế về tăng trưởng xanh
4	Các khâu đột phá	Các khâu đột phá dựa trên 5 điểm: 1. Khai thác hiệu quả sân bay Long Thành và phát triển sân bay lưỡng dụng Biên Hòa gắn với mô hình đô thị sân bay. 2. Hoàn thiện hạ tầng đồng bộ, thông minh, thích ứng khí hậu và thúc đẩy phát triển đô thị theo định hướng TOD. 3. Phát triển khu công nghiệp xanh, chuyển đổi khu hiện hữu theo lộ trình giảm phát thải và thu hút công nghiệp công nghệ cao. 4. Xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, khu CNTT tập trung và	Các khâu đột phá dựa trên 3 trụ cột chính: 1. Phát triển hạ tầng trong đó có 1) Phát triển hạ tầng giao thông – logistics đồng bộ, 2) Đầu tư hạ tầng hàng không chuyên dùng 3) Phát triển hạ tầng đô thị, công nghiệp và thương mại 4) tăng cường hạ tầng năng lượng và 5) đầu tư hạ tầng nâng cao chất lượng sống. 2. Phát triển nguồn nhân lực trong đó có (1) Thu hút, đào tạo, và tái đào tạo người lao động trong việc áp dụng công nghệ cao, khuyến khích thành lập doanh nghiệp v.v. , (2) Nâng cao dịch vụ hỗ trợ nghề nghiệp bao gồm phân luồng, định	Các khâu đột phá dựa trên 8 điểm: 1. Phát triển không gian đa cực với trục đô thị–công nghiệp phía Nam, trục nông nghiệp–du lịch phía Bắc và hành lang kinh tế ven sông Đồng Nai. 2. Khai thác vai trò cửa ngõ quốc tế thông qua sân bay Long Thành, Biên Hòa gắn với FTZ và đô thị–mạng lưới logistics liên vùng. 3. Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông liên vùng, đặc biệt là cao tốc và đường sắt kết nối sân bay, khu công nghiệp và đô thị.	Tích hợp những ý kiến và đột phá ưu tiên của hai tỉnh cũ, giữ vững những quan điểm phù hợp với định hướng, phân ngành và phân vùng mới (VD: về phát triển xanh, phát triển hạ tầng đồng bộ, áp dụng công nghệ thông tin và đổi mới sáng tạo và số hóa thủ tục hành chính.) Bổ sung và cụ thể hóa những điểm về không gian & hạ tầng với những sáng kiến ưu biệt mới nhất như khu TMTD, không gian và trục đa cực, và các thành phố thông minh có khả năng tạo sự cộng hưởng và tăng độ phát triển lớn.

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		hệ thống giáo dục – đào tạo chuyên sâu cho vùng. 5. Phát triển các dự án đô thị, du lịch, dịch vụ chất lượng cao gắn với sân bay, sinh thái và hành lang sông.	hướng cho học sinh, xúc tiến giới thiệu việc làm (3) Củng cố và nâng cao hệ thống giáo dục qua việc hợp tác với các trường đại học và chuyển đổi cơ chế hoạt động của các cơ sở nghề nghiệp. 3. Cải cách hành chính, trong đó có: (1) chuyển đổi số và áp dụng CNTT trong hành chính, (2) làm tinh gọn giảm thiểu thủ tục, (3) xây dựng cơ chế quản lý, accountability etc.	4. Phát triển các khu công nghiệp chuyên ngành xanh, sinh thái và có liên kết quốc tế. 5. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và đào tạo nhân lực chất lượng cao cấp vùng. 6. Phát triển du lịch sinh thái, văn hóa và nghỉ dưỡng chất lượng cao gắn với sân bay, sông và núi. 7. Triển khai chiến lược thành phố thông minh dựa trên dữ liệu, nghiên cứu và hợp tác đa bên. 8. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong quản trị, kinh tế và xã hội, bảo đảm liên thông đô thị – nông thôn.	
5	Xác định ngành quan trọng	Công nghiệp: i) Chế tạo máy và cơ khí chính xác, ii) Điện, điện tử, iii) Phương tiện vận tải, iv) Hóa chất, v) Chế biến thực phẩm Nông, lâm, thủy sản: i) Trồng trọt (cây ăn quả, cây rau, hoa màu ngắn ngày); (ii) Chăn nuôi (lợn và gia cầm) Ngành dịch vụ: i) Logistics, ii) dịch vụ giáo dục, iii) du lịch	Công nghiệp: chế biến, chế tạo, phụ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu xây dựng, CNTT, chú trọng nâng cao trình độ công nghệ, mở rộng và phát triển mới các khu, CCN. Nông, lâm nghiệp, thủy sản: Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản bền vững, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị sản phẩm lợi thế, gắn với nông thôn mới, môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.	Bổ sung và sửa đổi các ngành Công nghiệp: i) Cơ khí – chế tạo, ii) Điện – điện tử, iii) Vật liệu, iv) Công nghiệp chế biến nông sản – lâm sản. v) Sản xuất chế tạo công nghệ cao vi) năng lượng xanh Bổ sung và cụ thể hóa các ngành Dịch vụ: i) Logistics và vận tải, ii) Du lịch (MICE, du lịch sinh thái, văn hóa v.v.) iii) dịch vụ kinh doanh và đổi mới sáng tạo. iv) Dịch vụ đô thị.	Xác định lại các ngành ưu tiên qua quá trình phân tích mới dựa trên hai khía cạnh: độ hấp dẫn của thị trường và độ thích hợp với khả năng của tỉnh. Định hướng mới, phù hợp với thực tiễn, phát triển của tỉnh: yêu cầu tăng trưởng cao và tối ưu hóa sự gắn kết với các mũi nhọn kinh tế TP.HCM, sân bay Long Thành, Hồ Trị An v.v. Định hướng theo các ngành tiềm năng mới dựa trên khả năng tập

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
			Thương mại - Dịch vụ: thương mại dịch vụ tại cửa khẩu và kho bãi. Dịch vụ logistics, tài chính. Thương mại điện tử và du lịch.	Tập trung công nghệ cao các Ngành nông, lâm, thủy sản: i) trồng trọt và chăn nuôi, ii) nông nghiệp công nghệ cao, iii) hệ thống dịch vụ nông nghiệp	hợp của hai tỉnh Bình Phước và Đồng Nai cũ – kết hợp nền tảng công nghiệp với thế mạnh nông nghiệp của Đồng Nai/Bình Phước chuyển hóa nâng cao chuỗi giá trị trong chế biến/chế tạo. Bổ sung thêm các ngành mới nhằm cải thiện kinh tế xanh và chất lượng sống nhằm hỗ trợ cho tiềm năng thu hút năng lực của Long Thành.
6	Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội	Phân chia theo ba vùng: 1. Vùng phía Tây: Vùng phía Tây trải từ Vành đai 4 đến sông Đồng Nai, bao gồm Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, các xã Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú, Thiện Tân, Tân An, Vĩnh Tân, Trị An và thị trấn Vĩnh An, định hướng là vùng động lực đô thị – dịch vụ – công nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, logistics và dịch vụ hàng không gắn với sân bay Long Thành và chuỗi đô thị ven sông Đồng Nai. 2. Vùng phía Đông: Vùng phía Đông nằm phía Nam hồ Trị An – sông La Ngà và phía Tây Vành đai 4, bao gồm TP. Long Khánh, các huyện Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất và các xã Suối Nho, Phú Túc, Túc Trung, Phú Cường, La Ngà, định hướng là vùng động lực công nghiệp – nông nghiệp công	Phân chia theo ba vùng: 1. Vùng phía Nam gồm TP. Đồng Xoài – TX. Chơn Thành – huyện Đồng Phú, định hướng là trung tâm kinh tế, công nghiệp – đô thị – dịch vụ và logistics của tỉnh, phát triển công nghiệp chế biến, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ gắn với cao tốc, đường sắt và hệ thống cảng cạn, kết hợp đô thị dịch vụ chất lượng cao. 2. Vùng phía Tây gồm TX. Bình Long, huyện Hớn Quản và Lộc Ninh, định hướng phát triển công nghiệp chế biến nông – lâm sản, công nghiệp hỗ trợ và năng lượng ứng dụng công nghệ cao, gắn với KCN Hớn Quản, đồng thời phát triển thương mại – dịch vụ tổng hợp và du lịch văn hóa – lịch sử, lấy Bình Long làm trung tâm động lực.	5 vùng kinh tế động lực bao gồm¹: Vùng I – Công nghệ cao, hàng không, sáng tạo: Khu vực phía Tây – Tây Nam tỉnh, tập trung quanh Biên Hòa – Long Thành – Nhơn Trạch (tiêu biểu như Biên Hòa, Long Hưng, Tam Phước, Long Thành, Phước An, Nhơn Trạch), định hướng phát triển hàng không, công nghệ cao, logistics đa phương thức, dịch vụ tài chính – tri thức và đổi mới sáng tạo, hình thành chuỗi đô thị – công nghiệp – dịch vụ sân bay Long Thành gắn kết trực tiếp với TP.HCM. Vùng II – Cửa khẩu, đô thị công nghiệp sinh thái: Khu vực cực Bắc tỉnh, giáp Campuchia, dọc trục Hoa Lư – Lộc Ninh – Chơn Thành (tiêu biểu như Lộc Ninh, Lộc Thạnh, Minh Hưng, An Lộc, Đồng Xoài), định	Kết hợp những khu đã được quy hoạch từ hai tỉnh cũ và gắn liền các khu với những điểm nhấn quan trọng của tỉnh (e.g. Long Thành, hồ Trị An, Khu KTCK Hoa Lư, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập etc.) Tích hợp chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đồng Nai lần thứ I về đô thị dịch vụ gắn liền với sân bay Long Thành Giảm thiểu tầm quan trọng của các ngành nghề không ưu tiên và bổ sung thêm chức năng liên quan đến các ngành, nghề mới. Vẽ lại các danh giới nhằm tối ưu hóa sự cộng hưởng giữa các xã/vùng. Phân chia theo xã phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp.

¹ Danh sách các xã cụ thể trong từng vùng sẽ được bổ sung ở Phụ lục I

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		nghệ cao – dịch vụ, với Long Khánh là hạt nhân đô thị và đầu mối liên kết giao thông – kinh tế vùng. 3. Vùng phía Bắc nằm phía Bắc hồ Trị An và sông La Ngà, bao gồm huyện Vĩnh Cửu (phần còn lại), Định Quán và toàn huyện Tân Phú, định hướng là vùng động lực nông nghiệp công nghệ cao – du lịch sinh thái – bảo tồn, gắn với bảo vệ nguồn nước hồ Trị An và đô thị hóa quy mô nhỏ, lấy cặp đô thị Định Quán – Tân Phú làm hạt nhân.	3. Vùng phía Đông Bắc gồm TX. Phước Long, các huyện Bù Gia Mập, Bù Đốp, Phú Riềng và Bù Đăng, định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao quy mô lớn, chế biến sâu nông sản chủ lực, kết hợp du lịch sinh thái – văn hóa gắn với rừng và Vườn quốc gia, với Phước Long là trung tâm phát triển.	hướng kinh tế cửa khẩu, logistics xuyên biên giới, công nghiệp sinh thái và chế biến nông–lâm sản, kết hợp đô thị dịch vụ hỗ trợ thương mại quốc tế và an ninh biên giới. Vùng III – Trung tâm nông nghiệp công nghệ cao: Khu vực Đông Bắc tỉnh, bao gồm các vùng sản xuất lớn như Phước Long, Phú Riềng, Bù Gia Mập, Bù Đăng (tiêu biểu Phước Bình, Đa Kia, Bom Bo), định hướng nông nghiệp công nghệ cao quy mô lớn, chế biến sâu nông sản chủ lực, gắn với du lịch sinh thái – di sản và kinh tế rừng. Vùng IV – Thiên nhiên và giải trí sinh thái: Khu vực phía Bắc và Tây Bắc tỉnh, xoay quanh hồ Trị An và VQG Cát Tiên (tiêu biểu Trị An, Mã Đà, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Thanh Sơn), định hướng du lịch sinh thái – nghỉ dưỡng chất lượng cao, bảo tồn đa dạng sinh học, kết hợp sản xuất năng lượng sạch và mô hình kinh tế xanh – tuần hoàn. Vùng V – Công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao: Khu vực phía Đông và Đông Nam tỉnh, lấy Long Khánh làm hạt nhân, mở rộng sang Xuân Lộc – Cẩm Mỹ (tiêu biểu Bảo Vinh, Bình Lộc, Xuân Hòa, Sông Ray), định hướng nông nghiệp công nghệ cao gắn với công nghiệp chế	

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
				biển sâu, R&D, logistics nông sản và đô thị dịch vụ, tạo cực tăng trưởng nông nghiệp giá trị cao của tỉnh.	
7	Phương án tổ chức liên kết không gian	6 hành lang 1. Hành lang sông Đồng Nai: Trục thủy quốc gia đa chức năng từ hồ Trị An đến Soài Rạp – Lòng Tàu, phát triển vận tải thủy, đô thị – nông thôn, du lịch, cảnh quan và bảo tồn tài nguyên nước – sinh thái. 2. Hành lang cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu & QL51: Trục logistics – công nghiệp chủ lực Đông Nam Bộ, kết nối sân bay Biên Hòa, Long Thành và cảng Cái Mép – Thị Vải, là xương sống phát triển Biên Hòa – Long Thành. 3. Hành lang cao tốc TP.HCM – Long Thành – Phan Thiết: Trục giao thông xương sống mới, liên kết TP.HCM – sân bay Long Thành – các tỉnh phía Đông, phát triển đô thị – công nghiệp – dịch vụ Nhơn Trạch, Long Thành, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc. 4. Hành lang QL1 & đường sắt Bắc – Nam: Trục giao thông truyền thống quốc gia, kết nối TP.HCM – sân bay Biên Hòa, phát triển đô thị – công nghiệp – dịch vụ. 5. Hành lang QL20 & cao tốc Dầu Giây – Tân Phú: Trục liên kết Tây	3 trục động lực bao gồm: 1. Trục Chơn Thành – Bù Đăng: Trọng tâm là QL14 và cao tốc Chơn Thành, Gia Nghĩa. Trục chính của tỉnh qua đô thị Đồng Xoài. Tập trung thu hút công nghiệp điện tử, chế biến và hỗ trợ. Tại Đồng Xoài, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, sân golf. 2. Trục Chơn Thành – Lộc Ninh: Trọng tâm là QL13. Kết nối Khu KTCK Hoa Lư với TP.HCM, định hướng phát triển KCN, CCN tập trung vào chế biến, chế tạo, năng lượng, điện tử, công nghệ cao, thân thiện với môi trường 3. Trục trung tâm (Đồng Phú – Phước Long) trọng tâm là ĐT741. Kết nối Phước Long với CT HCM-Chơn Thành. Phát triển dịch vụ chất lượng cao, công nghiệp chế biến/hỗ trợ và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.	6 hành lang/trục động lực phát triển chính: 1. Hành lang Bắc – Nam trung tâm: Dọc DT.761 (Trục Bắc – Nam I), phát triển công nghiệp – đô thị – logistics gắn với sân bay Long Thành và cảng Cái Mép – Phước An. 2. Hành lang Hoa Lư – TP. Hồ Chí Minh: Dọc cao tốc và đường sắt Hoa Lư – Chơn Thành – Thủ Dầu Một, phát triển logistics xuất khẩu, công nghiệp và đô thị cửa ngõ. 3. Hành lang đô thị sông Đồng Nai: Dọc đại lộ ven sông và đường thủy sông Đồng Nai, phát triển đô thị sinh thái, dịch vụ và du lịch ven sông. 4. Hành lang Đông – Tây phía Bắc: Dọc QL14 và CT02, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chế biến và logistics. 5. Hành lang Đông – Tây phía Nam: Dọc QL1A và CT01, phát triển thương mại, công nghiệp công nghệ cao và du lịch.	Kết hợp và ưu tiên 2 trục động lực chính quan trọng nhất của hai tỉnh cũ bao gồm Hành lang sông Đồng Nai, CT HCM – LT – Phan Thiết, Chơn Thành – Lộc Ninh, Chơn Thành – Bù Đăng) Bổ sung những trục quan trọng dựa trên cơ sở hạ tầng giao thông được đề xuất mới (trục Bắc-Nam I tạo nên Hành lang Bắc-Nam trung tâm), văn kiện 420 của tổng bí thư (nhấn mạnh vào hành lang TP.HCM – Biên Hòa – Vũng Tàu).

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		Nguyên – Đông Nam Bộ, phát triển du lịch và đô thị tại Thống Nhất, Long Khánh, Định Quán, Tân Phú. 6. Hành lang cao tốc Bến Lức – Long Thành: Trục liên kết ĐBSCL – Đông Nam Bộ, kết nối TP.HCM – sân bay Long Thành – cảng Cái Mép, phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch phía Nam Đồng Nai. 3 vành đai 1. Vành đai phía Tây (Vành đai 4): Trục công nghiệp – logistics chiến lược, kết nối Long Thành – Cái Mép với Bình Dương, Tây Ninh, phát triển Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Long Thành, Cẩm Mỹ. 2. Vành đai trung tâm (QL56 & ĐT762): Trục liên kết trung tâm – nông nghiệp – du lịch, kết nối Đồng Nai – Bình Dương – Bà Rịa–Vũng Tàu, phát triển Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Long Khánh, Cẩm Mỹ. 3. Vành đai phía Đông (ĐT761, 776, 763, 765): Trục liên kết du lịch sinh thái – biển, kết nối hồ Trị An – Núi Chứa Chan – hồ Sông Ray với Vũng Tàu, phát triển Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ. 7 trục kết nối giao thông		6. Hành lang TP.HCM – Biên Hòa – Vũng Tàu: Dọc QL1A và cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, phát triển đô thị, công nghiệp và logistics cấp vùng. Giữ nguyên và nâng cấp các phương án Vành đai lên Vành đai, 4, 5 và 6: Vành đai 4: Dọc Vành đai 4 vùng TP.HCM, phát triển công nghiệp và logistics cấp vùng, kết nối Trảng Bom – Long Thành – Nhơn Trạch. Vành đai 5: Dọc QL56B, phát triển đô thị dịch vụ, du lịch và công nghiệp nhẹ. Vành đai 6: Dọc DT.776, DT.763, DT.765, Trục Bắc – Nam I, DT.758, DT.752, phát triển du lịch sinh thái, bảo tồn và đô thị quy mô nhỏ. 10 trục kết nối giao thông (Hành lang Bắc Nam 1, CT1, QL20B giao với CT1, QL56, QL56B, QL51, Vành Đai 4, QL14, QL13, DT741)	

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		(QL1, CT1, QL20B, QL56, QL56B, QL51, Vành đai 4)			
8	Phương án phát triển hệ thống đô thị				
	- Hiện trạng đô thị	Có 11 đô thị đóng vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế xã hội của tỉnh và của 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 01 đô thị loại I (TP Biên Hòa), 01 đô thị loại III (Thành phố Long Khánh), 02 đô thị loại IV là thị trấn (thị trấn Long Thành, thị trấn Long Thành), 07 đô thị loại V là thị trấn (thị trấn Dầu Giây, thị trấn Định Quán, thị trấn Tân Phú, thị trấn Vĩnh An, Thị trấn Long Giao, thị trấn Gia Ray, thị trấn Trảng Bom	Có 11 đô thị đóng vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế xã hội của tỉnh và của 11 huyện, thị xã, thành phố, gồm: 01 đô thị loại III (thành phố Đồng Xoài), 03 đô thị loại IV (thị xã Phước Long, Phước Long, Chơn Thành), 05 đô thị loại V là thị trấn (thị trấn Tân Khai, Lộc Ninh, Thanh Bình, Tân Phú, Đức Phong) và 2 xã đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (Phú Nghĩa, Phú Riềng)	Tổng số có 18 đô thị, bao gồm 13 đô thị loại 2 (trong đó, 10 đô thị loại 2 gồm các phường Đồng Nai cũ, Long Khánh cũ, Đồng Xoài cũ và 18 đô thị loại 3.	Tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 về phân loại đô thị Thay đổi đại danh, tên đô thị
	- Định hướng hệ thống đô thị	Đến năm 2050, có 31 đô thị, cụ thể có - 1 Đô thị loại 1 - 1 đô thị loại II - 1 đô thị loại 3 - 4 đô thị loại 4 - 24 đô thị loại 5	Đến năm 2030 có - 1 đô thị loại 2 - 3 đô thị loại 3 - 2 đô thị loại 4 - 11 đô thị loại 5	Đến năm 2050, có 21 đô thị, trong đó có - 7 đô thị loại 2 (trong đó, 3 đô thị liên phường, 4 đô thị mới), - 14 đô thị mới	Theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 về phân loại đô thị Thay đổi đại danh, loại đô thị, tên đô thị
9	Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn	Phát triển các khu dân cư nông thôn theo mô hình xã, huyện nông thôn mới nâng cao, nông thôn kiểu mẫu, gắn với hệ thống giao thông liên huyện, liên xã. Phát triển các khu vực nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong tỉnh trên cơ sở kế thừa từ các điểm dân cư hiện hữu, cải tạo chỉnh trang hạ tầng nông thôn kết hợp với xây dựng mới, bảo vệ	a) Tổ chức bố trí sắp xếp, ổn định dân cư nông thôn phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch hệ thống đô thị - nông thôn, quy hoạch nông thôn mới, đảm bảo bền vững, định cư lâu dài, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra. b) Huy động mọi nguồn lực của xã hội để thực hiện xây dựng các	Phát triển các khu dân cư nông thôn theo mô hình xã, liên xã. Liên kết chặt chẽ không gian nông thôn với đô thị, nông thôn với vùng sản xuất, nông thôn với các trục hành lang kinh tế. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn phía Đông gắn với vùng sinh thái Vườn quốc gia Cát Tiên, Bù	Kế thừa phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn tại QHT Đồng Nai và QHT Bình Phước. Điều chỉnh phương án nông thôn (bỏ khái niệm liên huyện, huyện nông thôn mới) nhằm phù hợp với Nghị quyết số 1662/NQ-TVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		môi trường bền vững. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển giữa thành thị với nông thôn trên địa bàn tỉnh.	điểm dân cư nông thôn, các trung tâm xã theo hướng văn minh, hiện đại đáp ứng tiêu chí Xây dựng nông thôn mới. c) Phát triển khu dân cư nông thôn phù hợp với điều kiện và đặc trưng văn hóa, tập quán của từng khu vực. Kết hợp không gian văn hóa truyền thống của địa phương với thiết chế văn hóa, xã hội, xây dựng đời sống văn minh. Bảo tồn và phát triển không gian văn hóa nông thôn, các làng nghề kết hợp với phát triển du lịch, dịch vụ thương mại.	Gia Mập, liên kết chuỗi với cao nguyên Lâm Đồng	Liên kết chặt chẽ tạo thêm dư địa phát triển khi sát nhập 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước
10	Khu công nghiệp	Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại phụ lục II, về phương án phát triển khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021- 2030, quy mô đất 23.118,77 ha	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại phụ lục II, về phương án phát triển cụm công nghiệp tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021- 2030, quy mô đất 10.521 ha.	Đến năm 2030, cân đối sử dụng đất thực tế KCN ở tỉnh Bình Phước cũ giảm đất so với sử dụng đất phân bổ quốc gia, D đó ,bổ sung bổ sung KCN Hoa Lư, quy mô 235ha, Và ngoài ra, giai đoạn 2031-2050 bổ sung thêm đề xuất mới khoảng 4.473,2 ha như sau; - UBND phường Đồng Xoài đề xuất: KCN khoảng Đồng Xoài, quy mô 500 ha; - UBND xã Xuân Hòa đề xuất: KCN Xuân Hòa - giai đoạn 2 khoảng 700 ha và KCN Công nghệ cao khoảng 1.226,2 ha; - UBND xã Nha Bích đề xuất: KCN khoảng 300 ha; - UBND xã Tân Hưng đề xuất: KCN khoảng 300 ha. - Đồng thời, trên cơ sở phối hợp rà soát thực tế công tác quản lý,	Trên cơ sở đến năm 2030, giảm đất KCN thực tế và bổ sung thêm KCN Hoa Lư, quy mô 235ha, và các khu công nghiệp khác do địa phương đề xuất và giai đoạn phát triển giai đoạn 2031- 2050

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
				sử dụng đất tại các địa phương, Ban Quản lý KCN, KKT đề xuất bổ sung quy hoạch 02 KCN mới nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (gồm: KCN có khoảng 412 ha tại xã An Khương và xã Lộc Khánh; và KCN có khoảng 800 ha tại xã Lộc Thạnh).	
11	Cụm công nghiệp	Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại phụ lục III, về phương án phát triển cụm công nghiệp tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021- 2030, quy mô đất	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại phụ lục III, về phương án phát triển cụm công nghiệp tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021- 2030, quy mô đất 1.25 3ha.	Đến năm 2050 ,bổ sung thêm đất CCN khoảng 1.053 ha ở khu vực phía Bắc tỉnh và loại bỏ CCN Xã Phú Vinh 35,3 1ha, CCN Phường Phước Bình 50 ha	Do đề xuất địa phương ở khu vực phía Bắc tỉnh, khu vực giáp biên để phát triển kinh tế địa phương ở các xã có nhiều vùng nguyên liệu nông sản như điều, sầu riêng, tiêu...
12	Phương án phát triển du lịch	Du lịch là 1 trong 5 trụ cột phát triển, định hướng phát triển theo hướng du lịch xanh, bền vững Định hướng phát triển sản phẩm du lịch chủ lực - Du lịch sinh thái gắn với rừng, sông, núi, hồ (Cát Tiên, hồ Trị An, sông Đồng Nai, núi Chứa Chan) - Du lịch văn hóa – tâm linh - Du lịch nông nghiệp - Du lịch mua sắm, vui chơi, thể thao - Du lịch MICE: như một sản phẩm du lịch gắn với sân bay Long Thành - Du lịch chăm sóc sức khỏe	Định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững Chú trọng hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng như: du lịch tìm hiểu lịch sử, du lịch văn hóa, sinh thái, nghỉ dưỡng và trải nghiệm Các dự án du lịch trọng điểm: dự án Khu đô thị, du lịch sinh thái hồ Suối Giai và Tây hồ Bà Mụ, dự án Khu du lịch Trảng cỏ Bù Lạch, dự án Khu Quần thể văn hóa – cứu sinh Bà Rá, dự án Khu di tích Quốc gia đặc biệt Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam VN Xây dựng các khách sạn 4-5 sao và đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở lưu trú du lịch chuyên nghiệp	Tái cấu trúc không gian du lịch theo các cụm du lịch chuyên đề với vai trò, phân khúc, loại hình sản phẩm rõ ràng Hình thành cụm MICE và giải trí quy mô quốc tế tại Long Thành như một cụm du lịch chủ lực: phát triển trung tâm hội nghị - triển lãm lớn; tích hợp mua sắm miễn thuế, giải trí mọi lứa tuổi, ẩm thực địa phương Định vị hồ Trị An là khu vực nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp với: resort ven hồ, biệt thự view hồ, glamping; trung tâm phục hồi năng lượng, spa – thiền – yoga Phát triển kinh tế đêm và du lịch đô thị ven sông Đồng Nai: giải trí	MICE là trụ cột phát triển mới; xuất phát từ việc đối sánh các mô hình thành công trên thế giới, với lợi thế Cảng hàng không sân bay Long Thành, phương án điều chỉnh phát triển các tổ hợp MICE – thương mại – giải trí quy mô lớn, khắc phục hạn chế của các quy hoạch trước vốn chỉ xem MICE là lĩnh vực hỗ trợ Hồ Trị An là một tài sản chiến lược cấp vùng có quy mô và giá trị vượt trội. Cách tiếp cận này giúp tránh dàn trải nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo động lực lan tỏa phát triển du lịch toàn tỉnh Phát triển kinh tế đêm và du lịch đô thị ven sông Đồng Nai nhằm khai thác hiệu quả không gian

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		- Sản phẩm du lịch cộng đồng, làng nghề Định hướng không gian các vùng du lịch - Vùng du lịch Biên Hòa – sông Đồng Nai: du lịch sông nước, MICE, mua sắm, văn hóa – lịch sử, giải trí đô thị - Vùng du lịch, vui chơi, giải trí kết hợp mua sắm thuộc Nhơn Trạch – Long Thành - Vùng du lịch sinh thái Tân Phú – Vĩnh Cửu – Định Quán – Trảng Bom: du lịch rừng, hồ, nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp - Vùng du lịch văn hóa, hành hương và du lịch nông nghiệp: Long Khánh – Xuân Lộc – Cẩm Mỹ - Thống Nhất - Vùng du lịch Hồ Trị An: định hướng phát triển thành khu du lịch quốc gia	Xây dựng phát triển các tua du lịch nội địa và quốc tế	ban đêm, ẩm thực – mua sắm ven sông; mô hình trải nghiệm khinh khí cầu kết hợp với lễ hội sự kiện làng nghề Phát triển khu du lịch phiêu lưu – thể thao (núi Chứa Chan – Hồ Núi Le): đi bộ đường dài, leo núi, cắm trại, trải nghiệm đường mòn	sông nước ngay trong lõi đô thị, giúp gia tăng thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách, tạo thêm động lực cho dịch vụ - thương mại đô thị Phát triển du lịch phiêu lưu nhằm khai thác lợi thế địa hình, đa dạng hóa danh mục sản phẩm du lịch, tiếp cận nhóm khách trẻ và khách ưu trải nghiệm – phân khúc đang tăng trưởng
13	Hạ tầng giao thông vận tải	1/. Về đường bộ: Cập nhật quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia đi qua địa bàn tỉnh đề xuất điều chỉnh hướng tuyến một số tuyến QL như QL.56B, QL.51C, QL.20B...Điều chỉnh lại quy mô và giai đoạn đầu tư các tuyến đường bộ do Trung ương quản lý (Cao tốc; Quốc lộ).	1/. Về đường bộ: - Cập nhật quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia đi qua địa bàn tỉnh đề xuất điều chỉnh hướng tuyến một số tuyến QL như QL.143C, QL.14C... - Hệ thống đường tỉnh đề xuất một số đường vành đai, tuyến tránh đô thị (vành đai 1, VĐ2, tuyến tránh Hoa Lư, tránh	1/. Về đường bộ: Đề xuất bổ sung 1.1/. Trục Bắc-Nam số 1: Bổ sung cao tốc kết nối Đồng Xoài - Biên Hòa (theo hướng ĐT.761). 1.2/. Trục Bắc-Nam số 2: kết nối CT Gia Nghĩa-Chơn Thành với CT Dầu Dây-Liên Khương 1.3/. Đề xuất nghiên cứu phát triển thêm Vành Đai 5 (trên cơ sở tuyến QL.56 và 56B).	1/. Về đường bộ: 1.1/. Hiện tại chưa có tuyến đường nội tỉnh trực tiếp kết nối cho hai khu vực đô thị quan trọng của tỉnh Đồng Nai, từ phía Bình Phước cũ về trung tâm tỉnh mới. 1.2/. Tuyến tạo trục Xương sống từ Bắc đến Nam cho tỉnh Đồng Nai và đồng thời giúp khu vực Tây Nguyên kết nối nhanh về SB Long Thành, cụm cảng CMTV.

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		- Đề xuất bổ sung các tuyến đường tỉnh tăng cường kết nối CHK QT Long Thành (ĐT.770B, ĐT.780B, ĐT.788, ĐT.771F, ĐT.773B...) Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Du kết nối sân bay Biên Hòa - Đề xuất một đường và cầu vượt sông Đồng Nai kết nối TP.HCM và Bình Dương (Cầu Phú Mỹ 2, Cầu Cát Lái, Cầu Đồng Nai 2, Cầu Thạnh Hội 2, Cầu Xóm Lá, Cầu Tân Hiền-Thường Tân, Cầu Tân An-An Lạc...) - Rà soát chuyển giao một số tuyến đường tỉnh cho địa phương quản lý. 2/. Hệ thống đường sắt: - Đề xuất bổ sung tuyến nhánh từ đường sắt Biên Hòa Vũng Tàu kết nối cảng Phước An; - Kéo dài tuyến Metro 1 (HCM) đến tráng Bom; - Đề xuất mạng lưới đường sắt đô thị (5 tuyến) kết nối các khu vực đô thị trong tỉnh với cảng HKQT Long Thành. 3/. Về Đường thủy - Cập nhật các QH cảng biển trên địa bàn tỉnh.	Đồng Xoài, Phước Long...) . Mở mới, kéo dài các tuyến đường tỉnh tạo mạng lưới giao thông kết nối liên hoàn (ĐT.741B, ĐT.753B, ĐT.757B, ĐT.760B, ĐT.760 kéo dài, ĐT.754 Nối dài... 2/. Hệ thống đường sắt: Cập nhật các tuyến đường sắt TP.HCM – Lộc Ninh đi qua địa bàn tỉnh, Tuyến đường sắt kết nối khu vực Tây Nguyên: đoạn Chơn Thành - Đăk Nông. 3/. Về Đường thủy Định hướng phát triển các bến thủy nội địa trong các lòng hồ phục vụ hàng hóa địa phương và phát triển du lịch. 4/. Về Cảng Hàng không sân bay: Sân bay chuyên dụng Hòn Quản phục vụ vận chuyển hàng hóa cho các khu công nghiệp và dịch vụ logistics hàng không.	1.4/. Đường Ven Biên giới: kết nối các xã biên giới và 5 cửa khẩu Hoàng Diệu-Tân Thành-Hoa Lư, X16 và Lộc Thịnh với nhau. 1.5/. Đề xuất tuyến Đại lộ Ven sông Đồng Nai bổ sung thêm đoạn từ Cầu Hóa An đến P.Long Hưng; Khu vực mở mới đi qua khu cảng Long Bình Tân (cảng Đồng Nai) kết nối các đô thị ven sông. 2/. Hệ thống đường sắt: - Đề xuất bổ sung tuyến đường sắt đô thị kết nối từ Đồng Xoài - Biên Hòa (theo ĐT.761, ĐT.753), và tuyến đường sắt phía đông sân Bay Long Thành (theo hành lang VD4). - Đường sắt Thủ Thiêm-Long Thành chuyển về địa phương quản lý. 3/. Về Đường thủy: Đề xuất di dời Khu bến Long Bình Tân ra khỏi thành phố Biên Hòa, tập trung phát triển Khu bến Phước An, Gò Dầu, Phước Thái. 4/. Về Cảng Hàng không sân bay: Điều chỉnh giai đoạn đầu tư CHK Biên Hòa sau năm 2030.	1.3/. Vành Đai 5 tạo không gian và dư địa cho phát triển đô thị Đồng Nai trong tương lai 1.4/. Tuyến giúp bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng biên. 1.5/. Tạo thành 1 tuyến đại lộ Ven sông liên mạch từ Vĩnh Cửu đến Nhơn Trạch sau khi di dời Cảng Long Bình Tân. 2/. Tuyến đường sắt Đồng Xoài - Biên Hòa giúp kết nối nhanh chóng cho hai khu vực đô thị quan trọng của tỉnh Đồng Nai, hỗ trợ người dân và cán bộ từ phía Bình Phước cũ về trung tâm tỉnh mới một cách nhanh chóng. Tuyến đường sắt phía đông sân Bay Long Thành (theo hành lang VD4) kết hợp với các tuyến đường sắt đã quy hoạch kết nối về CHK QT Long Thành và TP.HCM khu vực trung tâm của Bình Dương cũ. + Đường sắt Thủ Thiêm-Long Thành chuyển về địa phương quản lý theo quyết định 2404/QĐ-TTg ngày 29/10/2025. 3/. Đề xuất di dời Khu bến Long Bình Tân ra khỏi thành phố Biên Hòa theo xu thế chung của các đô thị lớn trong và ngoài nước. Giúp giảm ùn tắc giao thông khu vực trung tâm đô thị, tạo không gian chỉnh trang đô thị.

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		- Chuyển giao 1 số tuyến đường thủy nội địa cho địa phương quản lý. - Định hướng phát triển một số cụm cảng, bến thủy nội địa cho từng địa phương. 4/. Về Cảng Hàng không sân bay: đầu tư thêm nhà ga phục vụ cho hành khách để phát triển các đường bay dân dụng phục vụ nhu cầu đi lại của người dân biên hòa và các khu vực lân cận.			4/. CHK Biên Hòa điều chỉnh quy hoạch sau năm 2030. Đề tập trung khai thác hiệu quả CHK QT Long Thành.
14	Hạ tầng mạng lưới điện	- Trạm 500kV: 3 trạm - Trạm 220kV: 11 trạm - Trạm 110kV: 104 trạm - Dự án nguồn điện: 13 dự án	- Trạm 500kV: 1 trạm - Trạm 220kV: 4 trạm - Trạm 110kV: 49 trạm - Dự án nguồn điện: 43 dự án	- Trạm 500kV: 4 trạm - Trạm 220kV: 15 trạm - Trạm 110kV: 169 trạm - Dự án nguồn điện: 56 dự án	Bổ sung số lượng và tăng công suất các trạm 110kV và đường dây phục vụ cho nhu cầu các KCN, CCN đã và đang triển khai đầu tư
15	Hạ tầng viễn thông	- Trung tâm dữ liệu tỉnh - Phủ sóng 4G; 5G toàn tỉnh. - Ngầm hóa các tuyến viễn thông - Xây dựng các trạm BTS đảm bảo phủ sóng 100%. - Hạ tầng thông tin dùng chung	- Phủ sóng 4G; 5G toàn tỉnh. - Ngầm hóa các tuyến viễn thông - Xây dựng các trạm BTS đảm bảo phủ sóng 100%. - Hạ tầng thông tin dùng chung	- Trung tâm dữ liệu hạ tầng Internet vạn vật (Iot) cho các đô thị trong tỉnh. - Trung tâm dữ liệu vùng đạt tiêu chuẩn quốc tế Tier III, IV - Phủ sóng 5G toàn tỉnh và thử nghiệm 6G. - Ngầm hóa các tuyến viễn thông	Bổ xung do có định hướng mới từ quy hoạch vùng, quốc gia. Bổ sung các trung tâm phục vụ hạ tầng số, chuyển đổi số và kinh tế số. Bổ sung hạ tầng viễn thông phục vụ cảng hàng không quốc tế, khu thương mại tự do và khu công nghiệp AI.
16	Phương án và Hạ tầng văn hóa, thể thao	Xây dựng các chương trình nghệ thuật đường phố có gắn kết với các ngành công nghiệp văn hóa khác. Phát triển các loại hình hoạt động dịch vụ văn hóa kết hợp với hoạt động du lịch,	Giai đoạn 2021-2025: - Đầu tư xây dựng Th viện tỉnh diện tích khoảng 5.000m2 tại đường Trường Chinh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, đảm bảo đủ diện tích cho	Tổng hợp từ hai quy hoạch của tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (cũ), đề đề xuất các nội dung phát triển hạ tầng văn hóa và thể thao đáp ứng được với nhu cầu của địa phương.	Tư vấn hiện tại tổng hợp nội dung nhu cầu của địa phương từ Quy hoạch 2 địa phương cũ để đề xuất cho Bắc Đồng Nai và Nam Đồng Nai, và chưa có đề xuất bổ sung mới ngoài kế hoạch. Sẽ tiến hành điều chỉnh trong quá trình rà soát định hướng phát triển của dự thảo

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		thể dục thể thao của Tỉnh để tạo ra một thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa đa dạng, độc đáo, có chất lượng. Sửa chữa, nâng cấp các công trình thể dục thể thao của tỉnh. Nâng cấp hệ thống các nhà tập, thi đấu, đảm bảo đủ điều kiện tập luyện, thi đấu và đăng cai các giải quốc gia, quốc tế. Xây dựng mới Sân vận động sức chứa 50.000 chỗ ngồi và hệ thống quảng trường tại Khu phức hợp Thể thao tỉnh.	- Thư viện cấp tỉnh theo quy định. Công trình gồm khối nhà chính và các hạng mục phụ trợ. - Đầu tư xây dựng nhà ở vận động viên quy mô khoảng 625m2 trong Khu Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh. - Đầu tư xây dựng hồ bơi thi đấu cấp tỉnh với tổng diện tích 5.000 m2 nằm trong Khu Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh Giai đoạn 2026-2030: - Đầu tư xây dựng mới sân vận động tỉnh có sức chứa 20.000-30.000 chỗ ngồi. - Đầu tư xây dựng Bảo tàng tỉnh tại thành phố Đồng Xoài.		1, và nhu cầu thực tế của địa phương thông qua làm việc trực tiếp với các Sở, và từ báo cáo của các Sở, phường, xã gửi Sở Tài chính.
17	Phương án và Hạ tầng giáo dục - đào tạo	Phần đầu đạt 400 sinh viên đại học trên 10.000 dân. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở cấp học mầm non đạt 90%, cấp tiểu học đạt 80%, cấp trung học cơ sở đạt 85%, cấp trung học phổ thông đạt 90%. Duy trì 100% số trường mầm non, phổ thông ở vùng nông thôn đạt chuẩn về cơ sở vật chất.	Củng cố và phát triển các trường nghề hướng đến hình thành các trường đào tạo chuyên nghiệp và cao đẳng chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. Thu hút các trường đại học hình thành các cơ sở tại tỉnh Bình Phước để phát triển giáo dục đại học song song với việc hình thành các nền tảng ban đầu cho việc hình thành Đại học Bình Phước của tầm nhìn đến năm 2050.	Tổng hợp từ hai quy hoạch của tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (cũ), để đề xuất các nội dung phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo đáp ứng được với nhu cầu của địa phương.	Tư vấn hiện tại tổng hợp nội dung nhu cầu của địa phương từ Quy hoạch 2 địa phương cũ để đề xuất cho Bắc Đồng Nai và Nam Đồng Nai, và chưa có đề xuất bổ sung mới ngoài kế hoạch. Sẽ tiến hành điều chỉnh trong quá trình rà soát định hướng phát triển của dự thảo 1, và nhu cầu thực tế của địa phương thông qua làm việc trực tiếp với các Sở, và từ báo cáo của các Sở, phường, xã gửi Sở Tài chính.

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		Mở rộng, phát triển cơ sở vật chất Trường Đại học Đồng Nai. Đẩy nhanh việc thành lập và đầu tư xây dựng Phân hiệu Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh tại huyện Long Thành; Phân hiệu Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh tại thành phố Biên Hòa, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng các khu đô thị giáo dục và đào tạo tại huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch và thành phố Long Khánh.	Mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông: Giai đoạn 2021-2025 xây dựng thêm 4.251 phòng học. Giai đoạn 2026-2030, căn cứ tình hình thực tế phát triển của giai đoạn 2021-2025 và quy hoạch quốc gia về mạng lưới trường học để bố trí cho phù hợp. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập: Mỗi xã, phường, thị trấn có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường THCS. Hạn chế các trường công lập liên cấp 1 và 2 vì gây khó khăn cho quản lý và hoạt động chuyên môn. Sắp xếp các điểm trường lẻ theo cấp.		
18	Phương án Hạ tầng Hạ tầng y tế	Số giường bệnh/vận dân đạt 32 giường; số bác sỹ/vận dân đạt 11 bác sỹ. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 97%. Tiếp tục hoàn chỉnh đề án Bệnh viện đa khoa Đồng Nai, Bệnh viện đa khoa Thống Nhất và Bệnh viện Nhi đồng là Bệnh viện vệ tinh của các Bệnh viện ở TP. HCM như các bệnh viện: Chợ Rẫy, Ung Bướu, Nhi đồng 2, Từ Dũ... Phát triển các bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện Phổi, Da liễu, Y dược cổ truyền là bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện tuyến trên.	Đến năm 2030, hệ thống cơ sở y tế tỉnh Bình Phước có 02 bệnh viện tuyến tỉnh, ít nhất 02 bệnh viện tư nhân; 10 trung tâm y tế cấp huyện; 111 trạm y tế cấp xã và các đơn vị y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số, kiểm nghiệm. Đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị xây dựng các Trung tâm chuyên sâu trực thuộc Bệnh viện Đa khoa Tỉnh để đưa Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước lên Bệnh viện hạng 1, quy mô khoảng 1.000 giường bệnh. Thành lập Bệnh viện Phục hồi chức năng YHCT, trên cơ sở Bệnh viện YHCT.	Tổng hợp từ hai quy hoạch của tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (cũ), để đề xuất các nội dung phát triển hạ tầng y tế đáp ứng được với nhu cầu của địa phương.	Tư vấn hiện tại tổng hợp nội dung nhu cầu của địa phương từ Quy hoạch 2 địa phương cũ để đề xuất cho Bắc Đồng Nai và Nam Đồng Nai, và chưa có đề xuất bổ sung mới ngoài kế hoạch. Sẽ tiến hành điều chỉnh trong quá trình rà soát định hướng phát triển của dự thảo 1, và nhu cầu thực tế của địa phương thông qua làm việc trực tiếp với các Sở, và từ báo cáo của các Sở, phường, xã gửi Sở Tài chính.

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		Triển khai mô hình Khoa vệ tinh của bệnh viện đa khoa tỉnh tại các bệnh viện/trung tâm y tế tuyến huyện.	Có thêm ít nhất 1 bệnh viện tư nhân. Tuyển huyện và vùng huyện, mở rộng quy mô giường bệnh của 09 trung tâm y tế các đáp ứng yêu cầu là trung tâm đa chức năng gồm khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y tế dự phòng, dân số và các dịch vụ y tế khác. Trong đó: - Nâng cấp và tách riêng bộ phận khám chữa bệnh của Trung tâm y tế Phước Long và Bình Long thành các bệnh viện hạng 2, quy mô trên 300 giường. - Thành lập cơ sở khám chữa bệnh của Trung tâm y tế Phú Riềng từ 50 đến 100 giường bệnh. - Nâng cấp Trung tâm y tế Đồng Xoài lên 200 giường bệnh. Quỹ đất phát triển các cơ sở y tế trong giai đoạn 2021-2030 là 974 ha và quy mô giường bệnh đến năm 2025 là 3.850 giường, năm 2030 là 4.450 giường.		
19	Định hướng sử dụng đất đai	Quy hoạch tỉnh Đồng Nai được phê duyệt tại quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/07/2024, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 30/06/2025. Theo đó, đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai chuyển dịch	Quy hoạch tỉnh Bình Phước được phê duyệt tại quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024. Theo đó, đến năm 2030 tỉnh Bình Phước chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất theo	Kế thừa các nội dung còn phù hợp của quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và định hướng phát triển sau sáp nhập, mục tiêu đặt ra trong điều chỉnh quy hoạch tỉnh phải đảm bảo vừa có tính kế thừa vừa có tính đột phá, phù hợp với yêu cầu	Các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được điều chỉnh trên cơ sở hồ sơ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025; Điều chỉnh Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ, bám

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		cơ cấu sử dụng đất theo hướng tăng chỉ tiêu đất công nghiệp, thương mại dịch vụ, giao thông, đất ở,... và giảm chỉ tiêu đất nông nghiệp đặc biệt là đất trồng cây lâu năm dự kiến giảm đi khá nhiều để phục vụ cho các mục tiêu phát triển. Trên cơ sở định hướng phát triển, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của các nhóm đất chính như sau: - Đất nông nghiệp: 436.404 ha (chiếm 74,43% diện tích tự nhiên của tỉnh); - Đất phi nông nghiệp 149.949 ha (chiếm 25,57% diện tích tự nhiên của tỉnh); - Đất chưa sử dụng: 9 ha (chiếm 0,002% diện tích tự nhiên của tỉnh). - Qua đó, các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh	hướng tăng chỉ tiêu đất công nghiệp, khoáng sản, giao thông, đất ở; phát triển nông nghiệp công nghệ cao,... Qua đó, Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của các nhóm đất chính như sau: - Đất nông nghiệp: 595.170 ha (chiếm 86,59% diện tích tự nhiên của tỉnh) - Đất phi nông nghiệp 92.113 ha (chiếm 13,4% diện tích tự nhiên của tỉnh) - Đất chưa sử dụng: 73 ha (chiếm 0,01% diện tích tự nhiên của tỉnh). Qua đó, các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh	phát triển trong giai đoạn mới, trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương được tổng hợp, rà soát, đánh giá mức độ phù hợp với quy hoạch cấp trên, theo đó các chỉ tiêu sử dụng đất chính trong Định hướng sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai được đề xuất điều chỉnh như sau: Đất nông nghiệp: Trên cơ sở rà soát kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước; đánh giá hiện trạng sử dụng đất; tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và các địa phương; đồng thời bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp đến năm 2030 được điều chỉnh còn 889.951 ha, chiếm 69,87% diện tích tự nhiên của tỉnh, giảm 125.130 ha so với chỉ tiêu đã được duyệt và giảm 176.399 ha so với hiện trạng sử dụng đất. Nguyên nhân điều chỉnh giảm diện tích đất nông nghiệp chủ yếu do yêu cầu bố trí quỹ đất cho phát triển các lĩnh vực phi nông nghiệp, nhất là công nghiệp, đô thị, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, phù hợp với định hướng phát triển tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa. Cụ thể, một phần diện tích đất nông nghiệp được chuyển sang đất khu, cụm công nghiệp; đất giao thông và hạ tầng chiến lược; đất đô thị, nhà ở và các công trình dịch vụ -	sát quan điểm và mục tiêu đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030 thông qua tại Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 23/10/2025; Thông báo số 420-TB/VPTW ngày 17/11/2025. Việc phát triển và sử dụng đất đai được điều chỉnh dài hạn theo các chiến lược tổ chức không gian kinh tế và không gian đô thị, tuân thủ nghiêm các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ cho tỉnh trong Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia; qua đó hạn chế tối đa tình trạng sử dụng đất dàn trải, kém hiệu quả, gây lãng phí tài nguyên và làm suy giảm hiệu quả cấu trúc không gian phát triển

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
				thương mại, logistics, đặc biệt tại các khu vực dọc theo các trục giao thông động lực và khu vực chịu tác động trực tiếp của Cảng hàng không quốc tế Long Thành Quá trình chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất được thực hiện theo hướng ưu tiên bảo vệ quỹ đất nông nghiệp có vai trò quan trọng đối với an ninh lương thực, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, hạn chế chuyển đổi đối với các khu vực sản xuất ổn định, hiệu quả; tập trung chuyển đổi các diện tích sản xuất nông nghiệp hiệu quả thấp sang các mục đích sử dụng đất phù hợp hơn, có giá trị sử dụng và hiệu quả kinh tế - xã hội cao, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững trong thời kỳ quy hoạch. - Đất phi nông nghiệp: Theo phương án quy hoạch đến năm 2030, tổng diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai dự kiến là 383.767 ha, chiếm khoảng 30,13% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh. So với hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất phi nông nghiệp tăng 178.938 ha; đồng thời tăng 125.146 ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt. Sự gia tăng đáng kể quỹ đất phi nông nghiệp phản ánh quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh; đồng thời đáp ứng yêu cầu mở rộng không gian phát triển đô thị – nông thôn, xây dựng và hoàn thiện	

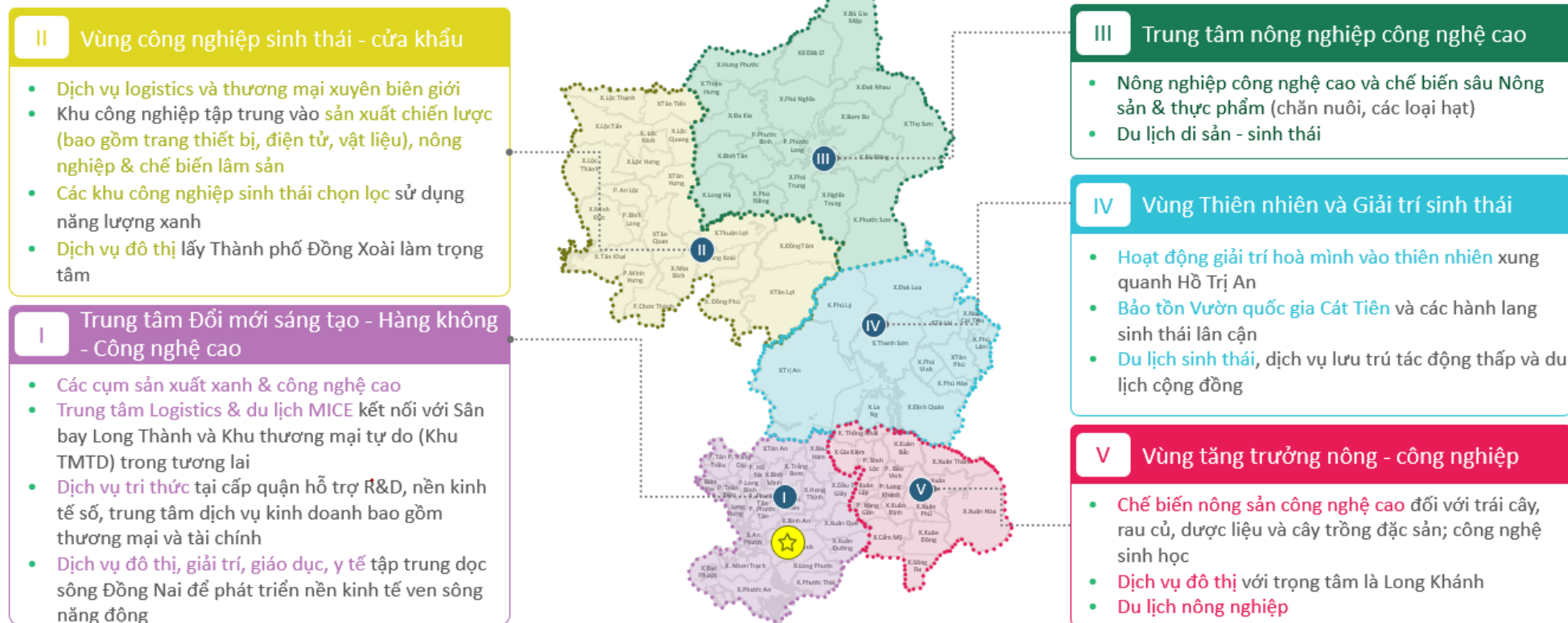
STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
				hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, hạ tầng kỹ thuật, cũng như bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh. Định hướng phát triển này phù hợp với mục tiêu đưa tỉnh Đồng Nai trở thành một trong những cực tăng trưởng quan trọng của vùng và cả nước. Diện tích đất phi nông nghiệp tập trung chủ yếu tại các đô thị lớn và các đơn vị hành chính có khu công nghiệp, khu đô thị mới và trung tâm dịch vụ logistics, bao gồm: phường Long Bình, gần với các khu công nghiệp lớn của khu vực Biên Hòa; phường Tam Phước, tập trung phát triển khu công nghiệp Tam Phước và dịch vụ đô thị; phường Phước Tân, gần với khu đô thị - công nghiệp mới; phường Trần Biên, chủ yếu là đất đô thị và dịch vụ; xã Long Thành, gần với Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành và các khu đô thị - dịch vụ phụ trợ; xã Nhơn Trạch, tập trung các khu công nghiệp Nhơn Trạch I - VI; xã Phước An, gần với khu công nghiệp và cảng Phước An. - Đất chưa sử dụng: Tổng diện tích đất chưa sử dụng hiện trạng năm 2024 là 2.540 ha, giảm 16 ha so với chỉ tiêu được duyệt, giảm 82 ha so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ. Theo định hướng quy hoạch, toàn bộ diện tích 2.540 ha đất chưa sử	

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
				dụng sẽ được khai thác đưa vào sử dụng đảm bảo phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, không còn tồn tại trong cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030. Việc giảm gần toàn bộ quỹ đất chưa sử dụng là kết quả của quá trình điều tra, rà soát kỹ lưỡng quỹ đất, gắn với yêu cầu sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng, công nghiệp, đô thị, dịch vụ và các lĩnh vực thiết yếu khác của tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.	
20	Định hướng khai thác và sử dụng tài nguyên (viết rõ theo 3 mảng:	(i) Tài nguyên nước/thủy lợi: - Quy hoạch đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa là 320 công trình thủy lợi (gồm xây dựng mới 64 hồ chứa, 47 đập dâng, 64 hồ chứa, còn lại là các công trình nâng cấp, sửa chữa công trình hiện có), với tổng kinh phí khoảng 20.141,718 tỷ đồng - Quy hoạch đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa 99 công trình phòng chống thiên tai, với tổng kinh phí khoảng 19.781,870 tỷ đồng (Bao gồm: Nguồn vốn trung ương khoảng 1.907,700 tỷ đồng; nguồn vốn	(i) Tài nguyên nước/thủy lợi: Quy hoạch đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa là 203 công trình thủy lợi (gồm xây dựng mới 117 hồ chứa, 33 đập dâng, 06 trạm bơm, 04 hệ thống kênh tưới, 13 công trình tiêu thoát nước 01 kè suối và nâng cấp, sửa chữa 29 công trình), với tổng kinh phí khoảng 7.240 tỷ đồng (Bao gồm: Nguồn vốn trung ương khoảng 5.690 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách địa phương khoảng 1.550 tỷ đồng). (ii) Khoáng sản Khoanh định 95 vùng quy hoạch với tổng diện tích 3.748,11 ha, bao gồm các loại khoáng sản sau:	(i) Tài nguyên nước/thủy lợi: - Quy hoạch đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa là 523 công trình thủy lợi (gồm xây dựng mới 181 hồ chứa, 80 đập dâng, 06 trạm bơm, 04 hệ thống kênh tưới, 13 công trình tiêu thoát nước 01 kè suối và nâng cấp, sửa chữa 238 công trình), với tổng kinh phí khoảng 27.381,780 tỷ đồng (Bao gồm: Nguồn vốn trung ương khoảng 7.597,675 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách địa phương khoảng 16.739,277 tỷ đồng; ; nguồn vốn xã hội hóa khoảng 2.850,483 tỷ đồng).	

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
		ngân sách địa phương khoảng 17.316,420 tỷ đồng). (ii) Khoáng sản - Đá xây dựng: Khoanh định 41 khu vực với tổng diện tích 1362,64 ha, tài nguyên dự báo 363,90 triệu m³. - Sét gạch ngói: Khoanh định 1 khu vực với tổng diện tích 41,35 ha, tài nguyên dự báo 3.36 triệu m³. - Cát xây dựng: Khoanh định 9 khu vực với tổng diện tích 471,09 ha. Tài nguyên dự báo 4,95 triệu m³. - Vật liệu san lấp: Khoanh định 6 khu vực với tổng diện tích 23,75 ha.	- Khoáng sản sét gạch ngói: Khoanh định 12 điểm mỏ, với tổng diện tích 342 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 33,86 triệu m³, tập trung chủ yếu tại các huyện Lộc Ninh, Chơn Thành, Hớn Quản. - Khoáng sản đất san lấp: Khoanh định 20 điểm mỏ, với tổng diện tích sử dụng đất là 321 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 13,66 triệu m³. - Khoáng sản cát xây dựng: Khoanh định 2 điểm mỏ, với tổng diện tích sử dụng đất 420 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 2,7 triệu m³. - Khoáng sản đá xây dựng: Khoanh định 61 điểm mỏ, với tổng diện tích sử dụng đất 2.718,71 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 832,683 triệu m³.	- Quy hoạch đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa 99 công trình phòng chống thiên tai, với tổng kinh phí khoảng 19.781,870 tỷ đồng (Bao gồm: Nguồn vốn trung ương khoảng 1.907,700 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách địa phương khoảng 17.316,420 tỷ đồng). (ii) Khoáng sản - Khoáng sản đá xây dựng: Khoanh định 165 điểm mỏ, với tổng diện tích sử dụng đất 4.351,86 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 1.243,63 triệu m³. - Khoáng sản sét gạch ngói: Khoanh định 19 điểm mỏ, với tổng diện tích 478,96 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 40 triệu m³. - Khoáng sản cát xây dựng: Khoanh định 14 điểm mỏ, với tổng diện tích sử dụng đất 844,14 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 5,24 triệu m³. - Khoáng sản than bùn: Khoanh định 07 khu vực với tổng diện tích 905,30 ha, tài nguyên dự báo 6,2 triệu tấn. - Khoáng sản đất san lấp: Khoanh định 122 điểm mỏ, với tổng diện tích sử dụng đất là 1.787,91	

STT	Lĩnh vực	QH tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập)	QH tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập)	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai	Lý do điều chỉnh/ bổ sung mới
				ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 58,04 triệu m3.	

Phụ lục I – Các Phường/Xã thuộc những vùng động lực kinh tế chính trong Điều chỉnh Quy hoạch



Vùng I – gồm 10 phường: Biên Hòa, Trảng Bàng, Long Bình, Tam Hiệp, Phước Tân, Tam Phước, Long Hưng, Hồ Nai, Trảng Dài, Tân Triều; và 17 xã: Tân An, Nhơn Trạch, Đại Phước, Phước An, Long Thành, An Phước, Bình An, Long Phước, Phước Thái, Trảng Bom, Bình Minh, An Viễn, Bàu Hàm, Dầu Giây, Xuân Quế, Xuân Đường, Hưng Thịnh.

Vùng II – gồm 6 phường: An Lộc, Minh Hưng, Chơn Thành, Bình Long, Đồng Xoài, và Bình Phước; 16 xã: Lộc Thạnh, Lộc Tấn, Lộc Thành, Minh Đức, Tân Khai, Nha Bích, Tân Quan, Tân Hưng, Lộc Hưng, Lộc Quang, Lộc Ninh, Tân Tiến, Thuận Lợi, Đồng Tâm, Tân Lợi, Đồng Phú.

Vùng III – gồm 2 phường: Phước Bình, Phước Long và 16 xã: Thiện Hưng, Hưng Phước, Đăk Ô, Bù Gia Mập, Đăk Nhau, Phú Nghĩa, Đa Kia, Bình Tân, Bom Bo, Thọ Sơn, Bù Đăng, Phú Trung, Phú Riềng, Long Hà, Trung Nghĩa và Phước Sơn.

Vùng IV – gồm 12 xã: Đăk Lua, Phú Lý, Trị An, Thanh Sơn, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Phú Lâm, Tân Phú, Phú Vinh, Phú Hòa, Định Quán, Thống Nhất, và La Ngà

Vùng V – gồm 5 phường: Bình Lộc, Xuân Lập, Bảo Vinh, Long Khánh, Hàng Gòn và 11 xã: Xuân Thành, Xuân Bắc, Gia Kiệm, Xuân Lộc, Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Hòa, Xuân Đông, Cẩm Mỹ, và Sông Ray.